

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/DS-ST

Ngày: 11-3-2025

V/v: Xác định phần tài sản của
người phải thi hành án trong khối
tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Phú Đạt**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tán Nghị**.

Ông **Cao Văn Truyen**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ly** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thị Ngọc Ánh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2024/TLST- DS ngày 19/4/2024 về việc “*Yêu cầu xác định phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 2 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trương Văn S**, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số 25 Trần Văn Giàu, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Đỗ Hữu L**, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Thôn Thái Lai, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Trần Quang**, sinh năm: 1975; địa chỉ: Tổ 32, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: Số 117, đường Thái Thị Bôi, phường Cánh Giã, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm: 1952;

+ Ông **Đỗ Hữu Dũng**, sinh năm: 1971;

+ Ông **Đỗ Hữu M**, sinh năm: 1973;

+ Ông **Đỗ Hữu T**, sinh năm: 1977;

+ Bà **Đỗ Thị K**, sinh năm: 1975;

Cùng địa chỉ: Thôn Thái Lai, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.
Vắng mặt

+ **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.** Trụ sở: Trung tâm hành chính huyện Hòa Vang, quốc lộ 14B, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

+ Bà **Hứa Thị Thu Ng**, sinh năm: 1985; địa chỉ: K177/H5/02 đường Lê Trọng Tấn, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Văn S trình bày:** Theo bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang; Bản án dân sự phúc thẩm số: 50/2022/DS-PT ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Quyết định thi hành án số: 03/QĐ-CCTHADS ngày 03/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang thì: Ông Đỗ Hữu L, sinh năm: 1979, địa chỉ: Thôn Thái Lai, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền đặt cọc là 1.500.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 1.500.000.000 đồng. Tổng cộng: 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*) và lãi chậm thi hành án. Cơ quan Thi hành án đã nhiều lần động viên, thuyết phục nhưng ông Đỗ Hữu L không có thiện chí trả nợ. Quá trình tổ chức thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang xác minh ông Đỗ Hữu L có phần quyền về tài sản trong khối tài sản chung với hộ gia đình ông Đỗ Hữu Lai. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang đã ban hành Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản thi hành án. Tôi đã nhiều lần liên hệ ông Đỗ Hữu L và các ông bà: Nguyễn Thị L1, Đỗ Hữu M, Đỗ Hữu Dũng, Đỗ Hữu T, Đỗ Hữu Kiểu để thỏa thuận về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông L trong khối tài sản chung của hộ gia đình nhưng các ông bà nêu trên không hợp tác. Do đó, tôi yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án là ông Đỗ Hữu L trong khối tài sản chung gồm các tài sản:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 996, tờ bản đồ số 37, địa chỉ thửa đất: Lô 30 phân khu 2-3, khu T định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất spps CT 502732 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang cấp ngày 02/10/2020, sổ vào sổ cấp GCN: CH 002342 đứng tên hộ ông Đỗ Hữu Lai.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất: thôn Thái Lai, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 032896 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang cấp ngày 26/04/2012, sổ vào sổ GCN: CH 01702 đứng tên hộ ông Đỗ Hữu Lai.

- Quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1092,1150,1216,737, 80/1, 569/7, 308/1, tờ bản đồ số 9, 18, địa chỉ thửa đất: xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) nay là: xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số H 799883 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang cấp ngày 05/03/1996, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 2043QSĐĐ/84QĐUB đứng tên hộ ông Đỗ Hữu Lai.

- Lô đất tái định cư số hiệu 34, phân khu B2-2, loại đường 7,5m thuộc khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 (Hòa Nhơn đi Hòa S) theo Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND huyện Hòa Vang (Bà Nguyễn Thị L1 – Vợ ông Đỗ Hữu Lai đã ký nhận).

*** Quá trình tố tụng, bị đơn ông Đỗ Hữu L trình bày:** Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì tôi không đồng ý với bản án số 22/2022/DS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; Bản án số 50/2022/DS-PT ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Quyết định thi hành án số 03/QĐ-CCTHADS ngày 03/10/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, về việc: tôi phải trả cho ông Trương Văn S số tiền đặt cọc là 1.500.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 1.500.000.000 đồng. Tổng cộng: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và lãi chậm thi hành án vì tôi không vi phạm hợp đồng đặt cọc nên không phải trả tiền cọc và phạt cọc cho ông Trương Văn S.

*** Quá trình tố tụng, những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1, ông Đỗ Hữu M và ông Đỗ Hữu Dũng thống nhất trình bày:** Tôi là Nguyễn Thị L1 là vợ ông Đỗ Hữu Lai (đã chết), cùng các con: Đỗ Hữu Dũng, Đỗ Hữu M, Đỗ Thị Kiều, Đỗ Hữu T và Đỗ Hữu L. Gia đình tôi thuộc diện giải tỏa đền bù làm tuyến đường ĐH2 Hòa Nhơn đi Hòa S. Ban quản lý đã thu hồi đất và bố trí đất tái định cư. Thời điểm đó chưa có đất trên thực tế, chỉ có bố trí lô trên diện giấy của Ban quản lý cung cấp, với số lô đã chọn, 1 lô số 09 đường 5,5m và 2 lô số 34, 35 đường 7,5m, phân khu B2-2. Tại thời điểm đất đang có giá, nhiều người đến tại gia đình hỏi mua trên diện giấy tờ mà Ban quản lý cấp đó (Phiếu trắng). Với sự mua bán và yêu cầu của bên mua, toàn bộ các giấy tờ phiếu trắng đó khi nào bên bán có đất sẽ hoàn thành cho bên mua theo thỏa thuận. Gia đình thống nhất bán toàn bộ 3 lô đất nói trên với mức giá theo phiếu trắng khác nhau, không có thuế. Cò đất dẫn đến đều thống nhất mua các giấy tờ đó. Riêng lô 09 và lô 35 các chủ đất tự đi nộp thuế và hoàn thành xong, chỉ còn lô 34 đường 5,5m, phân khu B2-2, chủ mua ông Trương Văn S không thống nhất nộp các khoản thuế. Nhưng trong hợp đồng đặt cọc đã ghi rõ: Bên A (Bên bán) chịu giấy tờ ra công chứng, Bên B (Bên mua) chịu thuế. Cho đến nay đã gần 6 năm, gia đình đã nhận tiền cọc, nhiều lần bên mua đến đòi lại tiền đặt cọc, gia đình không chấp nhận. Đến lúc Ban quản lý giải tỏa đền bù cung cấp phiếu vàng lô 34 về cho hộ ông Đỗ Hữu Lai để chuẩn bị ra sổ hồng, gia đình tôi có gọi điện cho ông Trương Văn S là người mua đất nhưng ông không bắt máy, lúc thì nói bận công việc, lúc thì nói không có tiền đi nộp thuế. Đến lúc gia đình tôi tiếp tục điện thoại thì ông S không lên mà đưa cò đất lên gặp gia đình và nói không có tiền nộp thuế, lúc thì nói chỉ nộp 1/2 tiền thuế. Tôi đem toàn bộ giấy tờ của lô đất đã được Ban quản lý cấp đi cùng cò đất đến tổ 1 của huyện Hòa Vang hỏi nhưng họ giải thích nộp 1/2 tiền thuế được nhưng không lấy sổ hồng ra được, như vậy sẽ không làm chuyển nhượng được. Đây là nghĩa vụ và quyền L của ông Trương Văn S nhưng ông không thực hiện. Khoảng vài tháng sau, gia đình tôi nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang để hòa giải việc đặt cọc tiền mua bán đất giữa hai bên. Khi Tòa án đề nghị tôi trả tiền đặt cọc cho người mua thì tôi không đồng ý vì tôi không có tiền. Còn phía Tòa án đưa ra nhiều ý kiến về việc ra công chứng và nộp tiền thuế đất, gia đình tôi không chấp thuận vì không đúng nội dung

trong hợp đồng đặt cọc đất. Vậy, gia đình tôi đề nghị Tòa án giải quyết và bảo vệ quyền L cho gia đình tôi.

*** Quá trình tố tụng người có quyền L nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thị Thu Ng**
trình bày: Thông qua môi giới của bà Phan Thúy Hằng, SĐT: 0905113146 (Sinh năm: 1989, trú tại: xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 31/8/2019 tôi có nhận chuyển nhượng 1 lô đất (phiếu đất vàng) của ông do Đỗ Hữu Lai đứng tên quyền sử dụng với số tiền là 1.750.000.000 đồng (*một tỷ bảy năm mươi triệu đồng*) và người nhận tiền trực tiếp là ông Đỗ Hữu Dũng SĐT: 0903585932 (là con ông Lai, được ông Lai tặng cho quyền sử dụng đất). Tất cả giấy tờ liên quan đều được công chứng tại phòng công chứng bà Trần Thị Thanh Bông (công chứng giấy tờ giấy ủy quyền số công chứng 5592 quyển 111 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/8/2019). Đồng thời tôi đã đóng tiền thuê đất để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 296.298.000 (*hai trăm chín mươi sáu triệu hai trăm chín mươi tám ngàn đồng*) vào ngày 08/05/2020 (tiền thuê này tôi đóng). Đến ngày 02/10/2020, thửa đất nêu trên được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và T sản gắn liền với đất số: CT 502732, Thửa đất số 996 tờ bản đồ số : 37, diện tích: 149,6 m², tọa lạc tại lô 30 phân khu B2.3, khu TĐC phục vụ giải tỏa đường ĐH2 xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

Trong khi chờ ấn định thuế của nhà nước tôi lên nộp hồ sơ để chuyển nhượng lô đất sang tên tôi thì được biết toàn bộ T sản của ông Đỗ Hữu Lai đều bị phong tỏa theo quyết định số: 11/QĐ-CCTHADS ngày 02/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang do có liên quan trong vụ việc thi hành án của ông Đỗ Hữu Dũng với ông Trương Văn S nên tôi không thực hiện được việc sang nhượng lô đất nêu trên. Hiện tại, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp giữa ông S và ông Dũng có liên quan đến thửa đất mà tôi đã nhận chuyển nhượng của ông Lai. Tôi có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 22/8/2023 giữa tôi và bà Nguyễn Thị L1 có hiệu lực pháp luật. Công nhận thửa đất số 996, tờ bản đồ số 37 diện tích 149,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và T sản khác gắn liền đất số CT 502732 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 02/10/2020 là T sản hợp pháp của tôi là Hứa Thị Thu Ng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng những quy định của pháp luật. Riêng bị đơn và người có quyền L nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX căn cứ vào các điều 207, 208, 212 Bộ luật Dân sự để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn S. Xác định các tài sản sau đây là tài sản chung của hộ gia đình ông Đỗ Hữu Lai:

- Thửa đất số 996, tờ bản đồ số 37 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 502732 do

Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang cấp ngày 02/10/2020, số vào sổ cấp GCN: CH 002342 đứng tên hộ ông Đỗ Hữu Lai.

- Thừa đất số 192, tờ bản đồ số 18 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 032896 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang cấp ngày 26/04/2012, số vào sổ GCN: CH 01702 đứng tên hộ ông Đỗ Hữu Lai.

- Các thửa đất số 1092, 1150, 1216, 737, 80/1, 569/7, 308/1, tờ bản đồ số 9, 18, địa chỉ thửa đất: xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) nay là: xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số H 799883 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang cấp ngày 05/03/1996, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 2043QSDĐ/84QĐUB đứng tên hộ ông Đỗ Hữu Lai.

Xác định kỷ phần tài sản của người phải thi hành án ông Đỗ Hữu L trong khối tài sản chung của hộ gia đình là 1/6 giá trị tài sản chung nêu trên. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc bị đơn ông Đỗ Hữu L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xác định phần tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung của hộ gia đình. Bị đơn có nơi cư trú thôn Thái Lai, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tại . Do đó, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn ông Trương Văn S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với T tài sản là Lô đất tái định cư số hiệu 34, phân khu B2-2, loại đường 7,5m thuộc khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 (Hòa Nhơn đi Hòa S) theo Quyết định số: 1863/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND huyện Hòa Vang. HĐXX xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà ông Trương Văn S đã rút.

[1.3] Người có quyền L nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thị Thu Ng xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với nội dung đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 22/8/2023 giữa tôi và bà Nguyễn Thị L1 có hiệu lực pháp luật. Công nhận thửa đất số 996, tờ bản đồ số 37 diện tích 149,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số CT 502732 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 02/10/2020 là tài sản hợp pháp của bà Ng. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu độc lập của người có quyền L nghĩa vụ liên quan là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu độc lập mà bà Hứa Thị Thu Ng đã rút

[1.4] Tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ Hữu L, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Quang, những người có quyền L nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1, ông Đỗ Hữu M, Đỗ Thị Kiều, Đỗ Hữu T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn S thì thấy: Ông Đỗ Hữu L là người có nghĩa vụ thi hành bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang và Bản án dân sự phúc thẩm số: 50/2022/DS-PT ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Quá trình tổ chức thi hành quyết định nêu trên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang xác định ông Đỗ Hữu L có quyền về tài sản trong khối tài sản chung của hộ gia đình đối với các tài sản gồm: Thửa đất số 996, tờ bản đồ số 37 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 502732 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang cấp ngày 02/10/2020; Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 18 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 032896 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang cấp ngày 26/04/2012 và các thửa đất số 1092, 1150, 1216, 737, 80/1, 569/7, 308/1, tờ bản đồ số 9, 18, địa chỉ thửa đất: xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) nay là: xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số H 799883 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang cấp ngày 05/03/1996 đứng tên hộ ông Đỗ Hữu Lai. Cơ quan Thi hành án đã ban hành thông báo đề nghị ông Trương Văn S và ông Đỗ Hữu L và các thành viên hộ gia đình ông Đỗ Hữu Lai xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản thi hành án nhưng các bên không thực hiện. Do đó, ông S đề nghị Tòa án xác định phần quyền về tài sản của ông Đỗ Hữu L trong khối tài sản chung của hộ gia đình để làm cơ sở cho việc tổ chức thi hành án. Bị đơn ông Đỗ Hữu L và những người có quyền L nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1, ông Đỗ Hữu M, Đỗ Thị Kiều, Đỗ Hữu T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do ông L không có nghĩa vụ phải thực hiện bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang và Bản án dân sự phúc thẩm số: 50/2022/DS-PT ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

HĐXX thấy rằng: Năm 1996, hộ ông Đỗ Hữu Lai được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với: Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 18, diện tích 2000m² loại đất thổ cư; thửa đất số 1092 tờ bản đồ số 9 loại đất lúa; thửa đất số 1150 tờ bản đồ số 9 loại đất lúa; thửa đất số 1216 tờ bản đồ số 9 loại đất lúa; thửa đất số 737 tờ bản đồ số 9 loại đất lúa; thửa đất số 08/1 tờ bản đồ số 18 loại đất lúa; thửa đất số 567/7 tờ bản đồ số 18 loại đất màu và thửa đất số 308/1 tờ bản đồ số 18 loại đất màu. Đến năm 2012, thửa đất số 192, tờ bản đồ số 18 được gia đình ông Đỗ Hữu Lai thực hiện thủ tục đăng ký biến và được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và T sản khác gắn liền với đất số BI 032896 ngày 26/04/2012. Đến năm 2018, UBND huyện Hòa Vang thu hồi 760,4m² phục vụ dự án tuyến đường ĐH2 và bố trí 02 lô đất tái định cư (theo quyết định số: 1863/QĐ-UBND ngày 21/3/2018). Và đến năm 2020, hộ ông Đỗ Hữu Lai được cấp lô đất tái định cư đối với thửa đất số 996, tờ bản đồ số 37 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 502732 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang cấp ngày 02/10/2020. Đối với lô đất tái

định cư còn lại có số hiệu 34, phân lô B2-2 hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận. Hiện nay, các T sản nêu trên hiện nay đều đứng tên chủ sở hữu là hộ ông Đỗ Hữu Lai.

Theo Điều 118 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: “*tài sản chung của hộ gia đình gồm tài sản do các thành viên cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung và các tài sản khác mà các thành viên thoả thuận là tài sản chung của hộ*. Quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ gia đình cũng là tài sản chung của hộ” và Điều 106, 108 Bộ luật dân sự 2005 quy định “*tài sản chung của hộ gia đình gồm quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, rừng trồng của hộ gia đình, tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung, được thừa kế chung và các tài sản khác mà các thành viên thoả thuận là tài sản chung của hộ*”. Theo khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất*”.

Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định: Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 192, tờ bản đồ số 18 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BI 032896 ngày 26/04/2012; thửa đất số 996, tờ bản đồ số 37 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CT 502732 ngày 02/10/2020 và các thửa đất số 1092 tờ bản đồ số 9 loại đất lúa; thửa đất số 1150 tờ bản đồ số 9 loại đất lúa; thửa đất số 1216 tờ bản đồ số 9 loại đất lúa; thửa đất số 737 tờ bản đồ số 9 loại đất lúa; thửa đất số 08/1 tờ bản đồ số 18 loại đất lúa; thửa đất số 567/7 tờ bản đồ số 18 loại đất màu và thửa đất số 308/1 tờ bản đồ số 18 loại đất màu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 799883 cấp ngày 05/03/1996 là tài sản hợp pháp của các thành viên hộ gia đình ông Đỗ Hữu Lai.

Tại Biên bản xác minh của Tòa án thể hiện: “*Tại thời điểm nhà nước công nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 hộ gia đình ông Đỗ Hữu Lai có 06 nhân khẩu gồm: Ông Đỗ Hữu Lai, bà Nguyễn Thị L1, ông Đỗ Hữu M, Đỗ Thị Kiều, Đỗ Hữu T và Đỗ Hữu L*”. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Văn S xác định phần quyền của ông Đỗ Hữu L trong khối tài sản chung là 1/6 là phù hợp với quy định tại các Điều 207, 208, 212 Bộ luật Dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận nên bị đơn ông Đỗ Hữu L phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông S số tiền nêu trên.

[2.3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đỗ Hữu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 118 Bộ luật dân sự năm 1995, Điều 106, 108 Bộ luật dân sự 2005, Điều 207, 208, 212 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 244, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn S đã rút đối với tài sản là Lô đất tái định cư số hiệu 34, phân khu B2-2, loại đường 7,5m thuộc khu tái định cư phục vụ giải tỏa đường ĐH2 (Hòa Nhơn đi Hòa S) theo Quyết định số: 1863/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND huyện Hòa Vang.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của người có quyền L nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thị Thu Ng đã rút.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn S:

3.1. Xác định: Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 192, tờ bản đồ số 18 và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BI 032896 ngày 26/04/2012; thửa đất số 996, tờ bản đồ số 37 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CT 502732 ngày 02/10/2020 và các thửa đất số 1092 tờ bản đồ số 9 loại đất lúa; thửa đất số 1150 tờ bản đồ số 9 loại đất lúa; thửa đất số 1216 tờ bản đồ số 9 loại đất lúa; thửa đất số 737 tờ bản đồ số 9 loại đất lúa; thửa đất số 08/1 tờ bản đồ số 18 loại đất lúa; thửa đất số 567/7 tờ bản đồ số 18 loại đất màu và thửa đất số 308/1 tờ bản đồ số 18 loại đất màu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 799883 cấp ngày 05/03/1996 là T sản của các thành viên hộ ông Đỗ Hữu Lai gồm các ông bà: Ông Đỗ Hữu Lai, bà Nguyễn Thị L1, ông Đỗ Hữu M, Đỗ Thị Kiều, Đỗ Hữu T và Đỗ Hữu L.

3.2. Xác định phần T sản của người phải thi hành án là ông Đỗ Hữu L trong khối tài sản chung của hộ gia đình là 1/6 (*Một phần sáu*) giá trị tài sản chung.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đỗ Hữu L phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Văn S số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

5. Về án phí: Buộc ông Đỗ Hữu Lai phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Hoàn trả cho nguyên đơn ông Trương Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002033 ngày 17/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho người có quyền L nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thị Thu Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002215 ngày 30/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

6. Nguyên đơn, người có quyền L nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền L nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phú Đạt